

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2017/HSST
Ngày: 25-9-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam.

- Các Hội thẩm nhân dân có:

1. Bà Nguyễn Thị Khuyên - Trường phòng nghiệp vụ văn hóa, Sở văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Điện Biên.

2. Bà Hà Thị Thanh Thủy - Phó chi cục trưởng, Chi cục văn thư lưu trữ tỉnh Điện Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân, Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lò Xuân Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2017/HSST ngày 14-9-2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số 107/2017/HSST-QĐ ngày 15-9-2017 đối với các bị cáo:

1. Quàng Văn D (tên gọi khác: Không) sinh năm 1975, tại: huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (ĐKHKT) và chỗ ở trước khi bị bắt: Đội 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hoá: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Quàng Văn B, sinh năm 1936 và bà Quàng Thị Th, sinh năm 1943; có vợ Lường Thị T, sinh năm 1975; bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2017, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên.

2. Lò Văn N (tên gọi khác: Không) sinh năm 1983, tại: huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Đội 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; dân tộc: Thái; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ 5/12: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông Lò Văn I, sinh năm 1954 và bà Lương Thị L, sinh năm 1946; có vợ Quàng Thị C, sinh năm 1985 (hiện đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: có 01 tiền án về tội “*trộm cắp tài sản*”; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/6/2017, tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ ngày 18/6/2017 tổ công tác Đoàn biên phòng P phối hợp với Phòng phòng chống ma túy Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên làm nhiệm vụ tại khu vực M, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang Quàng Văn D và Lò Văn N mua bán trái phép 60,30 gam Hêrôin và 19,97 gam Methamphetamine vận chuyển về để bán kiếm lời. Cơ quan điều tra đưa các bị cáo đến cơ quan điều tra để làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng, lấy mẫu giám định và niêm phong vật chứng ngày 22/6/2017 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên xác định:

- Gói chất bột màu trắng dạng nén nghi Hêrôin có trọng lượng 60,30 gam đã trích 1,1 gam gửi mẫu giám định.
- Gói nilon màu xanh có chứa 198 viên nén màu xanh, hồng có tổng trọng lượng 19,97 gam, đã trích 01 viên nén màu xanh và 04 viên nén màu hồng có tổng trọng lượng 0,52 gam gửi giám định.

Tại kết luận điều tra số 611/GĐ-PC54 ngày 20/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định được trích ra từ vật chứng thu giữ của Quàng Văn D, Lò Văn N là chất ma túy: Loại Hêrôin.
- Mẫu viên nén màu hồng, màu xanh gửi giám định được trích ra từ vật chứng thu giữ của Quàng Văn D, Lò Văn N là chất ma túy: Loại Methamphetamine

Tại bản cáo trạng số: 50/QĐ-VKS-P1 ngày 13/9/2017 VKSND tỉnh Điện Biên đã truy tố đối với các bị cáo Quàng Văn D, Lò Văn N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Điểm h Khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị các cáo Quàng Văn D, Lò Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất*

ma túy”. Đề nghị xem xét áp dụng Điểm h Khoản 3 Điều 194; Điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quảng Văn D từ 17 năm đến 18 năm tù. Lò Văn N từ 16 năm đến 17 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 194 BLHS đối với bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 41 BLHS và Điều 76 BLTTHS về xử lý vật chứng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ các tài liệu, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và đồng phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập hợp pháp trong quá trình tiến hành tố tụng của vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản ghi lời khai đối với các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở những căn cứ đó Hội đồng xét xử đã xác định toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 18/06/2017 Quảng Văn D nhận điện thoại của một người đàn ông gọi đến (D không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) hỏi D có mua Hêrôin và hồng phiến không, nếu mua thì người đó sẽ bán cho D 10.000.000đ (Mười triệu đồng), D đồng ý và hẹn địa điểm mua bán ma túy tại một lán nương cạnh đường, gần khu vực thủy điện đang xây thuộc khu vực M, đường đi vào xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Trao đổi xong, D gọi điện cho Lò Văn N, trú tại Đội 2, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, rủ N góp tiền đi mua Hêrôin và hồng phiến về bán kiếm lời. Do N không có tiền nên D bảo N cứ đi cùng D, mua được Hêrôin và hồng phiến thì D sẽ cho N một ít để sử dụng, N đồng ý. Sau đó D đem theo 10 triệu đồng và cùng N thuê xe ôm vào

khu vực ngã ba thủy điện P, cả hai đi bộ khoảng 300 mét thì gặp một người đàn ông đứng cạnh lán nướng, D hỏi người đàn ông Hêrôin và hồng phiến đầu, người đàn ông trả lời có sẵn trong người đây rồi và bảo D đưa 10.000.000đ (Mười triệu đồng), rồi người đàn ông lấy từ trong túi quần ra một túi nilon màu vàng đưa cho Quàng Văn D và bảo trong túi có sẵn một cây Hêrôin và một gói hồng phiến, D nhận gói ma túy và đưa cho N cầm rồi cả hai đi bộ quay về, còn người đàn ông bán Hêrôin và Hồng phiến đi đâu không rõ. Đi được khoảng 500 mét thì Quàng Văn D và Lò Văn N bị tổ công tác Đoàn biên phòng P phối hợp với Phòng phòng chống ma túy Bộ đội biên phòng tỉnh Điện Biên phát hiện bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hội đồng xét xử thấy rằng hành vi nêu trên của các bị cáo Quàng Văn D và Lò Văn N là nguy hiểm cho xã hội, đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo qui định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự. Do đó các bị cáo phải chịu hình phạt do pháp luật quy định.

Xét về tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tình hình tội phạm ma túy ngày càng diễn biến phức tạp mặc dù cơ quan pháp luật đã truy quét và xử lý rất nghiêm minh đối với các loại tội phạm này, tại phiên tòa các bị cáo Quàng Văn D, Lò Văn N khai rằng biết nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, biết tác hại của ma túy tới đời sống sức khỏe của con người, nhưng chỉ vì lợi nhuận, vì hoàn cảnh gia đình mà các bị cáo, đã có hành vi giao dịch mua bán trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Điện Biên, các bị cáo đã có hành vi mua bán mua bán trái phép 60,30 gam Hêrôin và 19,97 gam Methamphethamine nhằm mục đích để bán kiếm lời. Hành vi đó của các bị cáo bị coi là phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng, phạm vào tình tiết định khung theo qui định tại điểm h khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Bởi vậy các bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và kết luận đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo qui định tại Điểm h Khoản 3 Điều 194 Bộ luật Hình sự là chính xác, có căn cứ đúng pháp luật, không bị oan sai.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo Quàng Văn D, Lò Văn N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo còn tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, riêng bị cáo Quàng Văn D không có tiền án tiền sự, điều kiện kinh tế của gia đình bị cáo gặp rất nhiều khó khăn, có bố đẻ là ông Quàng Văn B đã tham gia quân tình nguyện giúp bạn Lào được nhà nước tặng thưởng kỷ niệm

chương quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, bởi vậy Hội đồng xét xử cần xem xét áp dụng Điểm p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là cần thiết, thông qua đó thể hiện chính sách khoan hồng giảm nhẹ của pháp luật đối với người phạm tội.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Lò Văn N, ngày 27/5/2015 bị TAND huyện Đ, tỉnh Điện Biên xử phạt 10 (Mười) tháng tù về “*Tội trộm cắp tài sản*”, đến ngày 18/6/2017 bị cáo bị bắt quả tang về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bởi vậy bị cáo phạm tội lần này là phạm tội trong trường hợp chưa được xóa án tích, do đó bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xét về hình phạt tiền, theo qui định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, các bị cáo gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, do đó không có điều kiện để thi hành phần hình phạt tiền, nên không phạt tiền đối với các bị cáo.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003.

- 02 (hai) cục chất bột màu trắng Hêrôin có trọng lượng 60,30 gam trích mẫu gửi giám định chất ma túy = 1,1 gam, còn lại = 59,2 gam; 01 (một) gói các viên nén màu xanh, màu hồng ma túy tổng hợp 198 viên = 19,97 gam, trích 04 viên màu hồng + 01 viên màu xanh = 0,52 gam gửi giám định chất ma túy, còn lại = 19,45 gam. Là vật chứng của vụ án cần tiêu hủy.

Hội đồng xét xử thấy rằng cơ quan điều tra đã thu: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen thu giữ của Quàng Văn D; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen trắng thu giữ của Lò Văn N, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu bán sung ngân sách nhà nước.

Về án phí hình sự: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2003, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về lệ phí, án phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Quàng Văn D, Lò Văn N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Áp dụng: Điểm h Khoản 3 Điều 194; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Quảng Văn D: **16 (mười sáu) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2017.

Áp dụng: Điểm h Khoản 3 Điều 194; Điểm p Khoản 1, Điều 46, Điểm g, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lò Văn N **16 (mười sáu) năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/6/2017.

3. Vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 02 (hai) cục chất bột màu trắng Hêrôin có trọng lượng 60,30 gam, trích mẫu gửi giám định chất ma túy = 1,1 gam, còn lại = 59,2 gam.

+ 01 (một) gói các viên nén màu xanh, màu hồng ma túy tổng hợp 198 viên = 19,97 gam, trích 04 viên màu hồng + 01 viên màu xanh = 0,52 gam gửi giám định chất ma túy, còn lại = 19,45 gam.

- Tịch thu bán sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen thu giữ của Quảng Văn D.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG màu đen trắng thu giữ của Lò Văn N.

(Theo biên giao, nhận vật chứng giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 31/8/2017).

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng Hình sự 2003, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH khóa 14 quy định về lệ phí, án phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử hình sự sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2017) lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CAND tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã (T/b);
- Phòng HC-STP tỉnh Điện Biên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Văn Nam

